TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09/10/2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- T1 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Tấn Khoa.**

2. Bà **Hoàng Thị Thiện Lai.**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang***: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 629/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh P, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày: Chị và anh P do mai mối và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2008 có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. anh chị sống chung hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên không giàn xếp. Anh chị không còn sống chung từ đó cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Hữu T1, sinh ngày 04/8/2009; Phạm Ngọc T2, sinh ngày 19/11/2017. Hiện cháu T1, cháu T2 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, cháu T2, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ anh P đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh P vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Chị Võ Thị T khởi kiện anh Phạm Thanh P cư trú ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phạm Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị T và anh P sống chung với nhau vào năm 2008 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, anh P đánh chị nhiều lần nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị và P không còn sống chung từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị T và anh P không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn với anh P, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình " Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không T1 thì Tòa án giải quyết cho ly hôn…." Tại phiên tòa, chị T xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T

[3]. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Phạm Hữu T1, sinh ngày 04/8/2009; Phạm Ngọc T2, sinh ngày 19/11/2017. Hiện cháu T1, cháu T2 đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1, cháu T2. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa T1 niên, hiện nay cháu T1, cháu T2 sống ổn định với chị T vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh P cũng không có ý kiến phản đối. Trong quá trình làm việc Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của cháu T1 thì cháu có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu T1, cháu T2 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định

tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình " Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung:* Chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh P trong thời kỳ hôn nhân, thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Võ Thị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 144, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Phạm Thanh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 183 ngày 28/12/2018 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp Lý.

- Về con chung: Chị Võ Thị T được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên Phạm Hữu T1, sinh ngày 04/8/2009; Phạm Ngọc T2, sinh ngày 19/11/2017. Anh Phạm Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T cùng các T1 viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về tài sản chung: Chị Võ Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Võ Thị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị T và anh P thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Võ Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013321 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Chị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã H, huyện C;
tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn